

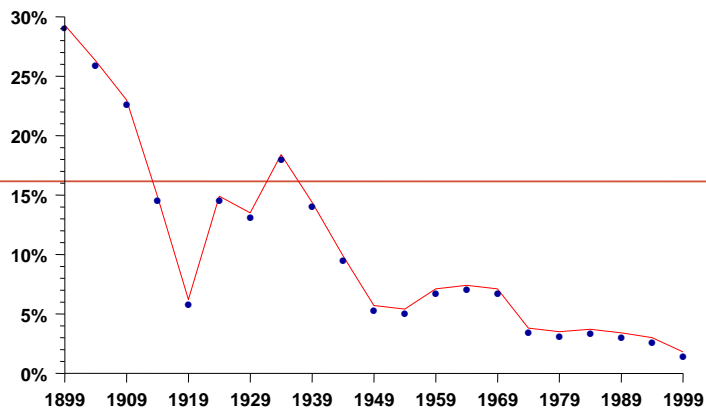
ĐỊNH CHẾ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

ĐÀM PHÁN THƯƠNG MẠI

Xu hướng tự do hóa ngoại thương

- Từ những năm 1930 đến những năm 1980 Mỹ và các nước phát triển khác đã dần loại bỏ được thuế quan và các rào cản khác đối với sản phẩm công nghiệp
 - Hầu hết các nhà kinh tế tin rằng tự do hóa ngoại thương là có lợi
 - Tuy nhiên, đơn phương tự do hóa ngoại thương khó thực hiện vì lý do chính trị
 - Làm thế nào để việc loại bỏ những rào cản thương mại được chấp nhận về mặt chính trị?

Mức thuế quan của Hoa Kỳ đối với sản phẩm công nghiệp theo thời gian



Thế tiến thoái lưỡng nan của tù nhân và bảo hộ thương mại

Nhật Bản

- Trả đũa ngoại thương và chiến tranh thương mại

Hoa Kỳ

Chiến lược	tự do	bảo hộ
tự do	10, 10	- 5, 20
bảo hộ	20, -5	2, 2

7/23/2013

Trương Quang Hùng-FETP

Vai trò của đàm phán thương mại

- Đàm phán giúp cho các nước vượt qua được khó khăn về chính trị khi cải cách thương mại theo hướng tự do
 - Thay đổi tương quan lực lượng chính trị
- Đàm phán giúp tránh được chiến tranh thương mại quốc tế
 - Giải pháp cho thế tiến thoái lưỡng nan

Đàm phán thay cho đơn phương tự do hóa

- Những thỏa thuận trong đàm phán thương mại được thực thi bằng cách nào?
 - Trò chơi lặp lại và cơ chế trả đũa
 - Vấn đề hành vi bị che dấu (moral hazard problem) và cơ chế giám sát
- Tại sao phải có định chế thương mại quốc tế?
 - Cơ quan có quyền lực cưỡng chế để thực thi các hợp đồng

Đàm phán thay cho đơn phương tự do hóa

- Thuế quan được gỡ bỏ bằng cách nào?
 - Quy tắc có qua có lại
- Tại sao các rào cản phi thuế vẫn còn tồn tại?
 - Khó khăn trong định lượng các lợi ích?
- Sức mạnh đàm phán và đàm phán tấn công
 - Cơ hội thay thế như nguồn sức mạnh của đàm phán
 - Tấn công vào các nước mà khả năng trả đũa kém và những nước tổn thất thương mại lớn khi không tiếp cận được thị trường

ĐỊNH CHẾ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Bối cảnh lịch sử

- Thời kỳ hoàng kim của quốc tế hóa bị thay thế bởi chủ nghĩa bảo hộ trong giai đoạn giữa hai thế chiến
- Cần phải thiết lập môi trường quốc tế rộng hơn sau Thế chiến II
 - Tránh sai lầm trong giai đoạn giữa hai Thế chiến
 - Thông qua thương mại quốc tế để khôi phục lại Châu Âu

Các giải pháp Bretton-Woods

- Nền tảng của nền kinh tế thế giới
 - Ngân hàng Quốc tế cho Tái thiết và Phát triển (IBRD):
Cho vay để tái thiết và phát triển
 - Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF):
Hỗ trợ tài chính trong trường hợp khẩn cấp
 - Tổ chức Thương mại Quốc tế (ITO):
Đàm phán & thực thi các thỏa ước thương mại

ITO: Tổ chức Thương mại Quốc tế

- Tổ chức có mục tiêu thúc đẩy toàn dụng lao động bằng cách giảm thuế quan và đưa ra các quy định liên quan đến:
 - Dịch vụ
 - Sở hữu trí tuệ
 - Quy định đặc biệt cho các nước đang phát triển
 - Tiêu chuẩn lao động công bằng
 - Các thông lệ kinh doanh hạn chế

Tổ chức Thương mại Quốc tế

- GATT được 23 nước ký kết vào năm 1947
- ITO được thiết lập ở Havana năm 1948. Hiệp định được 53 nước ký kết
- Quốc hội Mỹ không phê chuẩn Hiến chương ITO. ITO sụp đổ năm 1950
- Các cuộc đàm phán trong khuôn khổ GATT được tiếp tục

GATT

- Thỏa thuận tạm thời sau khi ITO sụp đổ
- Không có cơ sở định chế lâu dài cho đến khi WTO được thành lập 1995
- Chỉ là một hợp đồng tự nguyện giữa hơn 100 quốc gia về các quy tắc và luật lệ trong thương mại quốc tế

GATT

- Các chức năng chính của GATT
 - Xác định quy tắc ứng xử chung trong thương mại quốc tế
 - Tòa án quốc tế trong giải quyết tranh chấp
 - Diễn đàn đàm phán thương mại nhằm tự do hóa thương mại quốc tế

GATT

- Thương mại công bằng dựa trên các nguyên tắc
 - Không phân biệt đối xử:
 - Tối huệ quốc
 - Đối xử quốc gia
 - Chi bảo hộ bằng các biện pháp minh bạch
 - Giảm thuế quan
 - Có qua có lại

GATT

- Các ngoại lệ trong nguyên tắc
 - Miễn trừ : Quyền được áp dụng các hạn chế thương mại trong một số trường hợp nhất định
 - Bảo vệ an ninh quốc gia
 - Bảo vệ sức khỏe con người
 - Bảo vệ nguồn tài nguyên quý hiếm
 - Bảo vệ môi trường
 - Tự vệ: Tạm thời hạn chế nhập khẩu tránh nguy hại hoặc đe dọa đến sản xuất trong nước hay mất cân đối bên ngoài
 - Các nước đang phát triển
 - Đối xử khác biệt và đặc biệt
 - Hội nhập khu vực
 - Điều XXIV

Quá trình phát triển của GATT

- 1947 -GATT được thành lập gồm 23 nước
 - Các vòng đàm phán song phương
 - 1949,1951,1956,1960 ít nước tham gia
- 1955 Hoa Kỳ rút nông nghiệp ra khỏi GATT
- 1964-1967 Vòng Kennedy giảm thuế tuyến tính (35%) với sự tham gia 62 nước
- 1973-1979 Vòng Tokyo giảm thuế (33%) với 102 nước tham gia
- 1974 Hiệp định đa sợi cho hàng dệt may
- 1986-1994 Vòng Uruguay giảm thuế (33%), nông nghiệp, dịch vụ, TRIPS, TRIM, WTO với sự tham gia 116 quốc gia

WTO

- Định chế lâu dài để thực hiện các chức năng của GATT
- Có cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả hơn
- Có hội đồng thường trực về hàng hóa, dịch vụ và TRIPs
- Có ủy ban để giám sát các ngoại lệ đối với các nguyên tắc của WTO
- Có cơ quan rà soát chính sách thương mại quốc tế

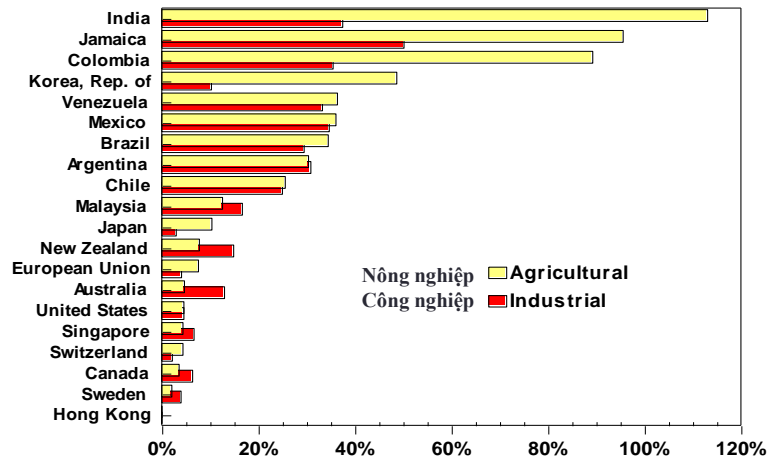
WTO

- Tiếp tục giảm thuế quan đối với sản phẩm công nghiệp
 - Giảm 1/3 trong 5-10 năm xuống còn 3 %
 - Cam kết mức trần thuế quan đối với hầu hết các sản phẩm

WTO

- Nông nghiệp
 - Thuế quan hóa các biện pháp bảo hộ
 - Cắt giảm thuế quan
 - Cắt giảm trung bình 36% trong vòng đàm phán đầu tiên
 - Bảo đảm tiếp cận thị trường
 - Nhập khẩu ít nhất 3% lượng tiêu dùng nội địa
- Giảm trợ cấp nông nghiệp
 - Cắt giảm 20%-36% mức trợ cấp nông nghiệp

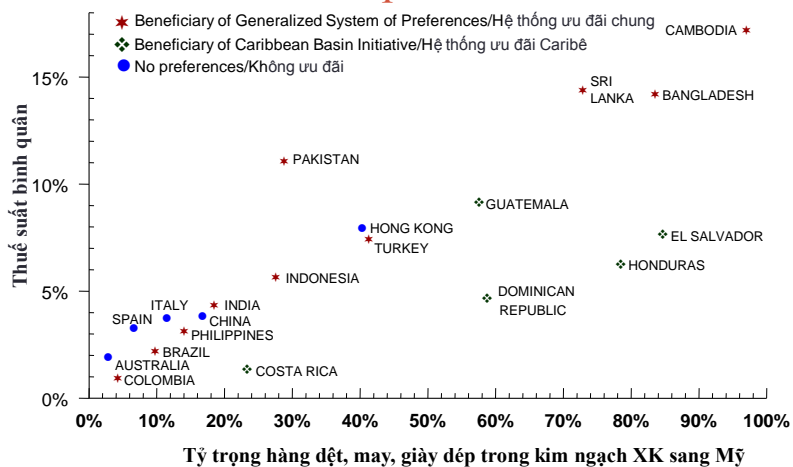
Thuế suất NK theo cam kết sau Vòng đàm phán Uruguay



WTO

- Dệt may
 - Bãi bỏ hiệp định dệt may trong giai đoạn 10 năm
 - Đưa một nửa hàng nhập khẩu vào hệ thống trong giai đoạn chuyển đổi
 - Tự do hóa phần hạn ngạch còn lại

Hàng dệt, may và giày dép chịu thuế quan cao hơn nhiều so với các sản phẩm khác



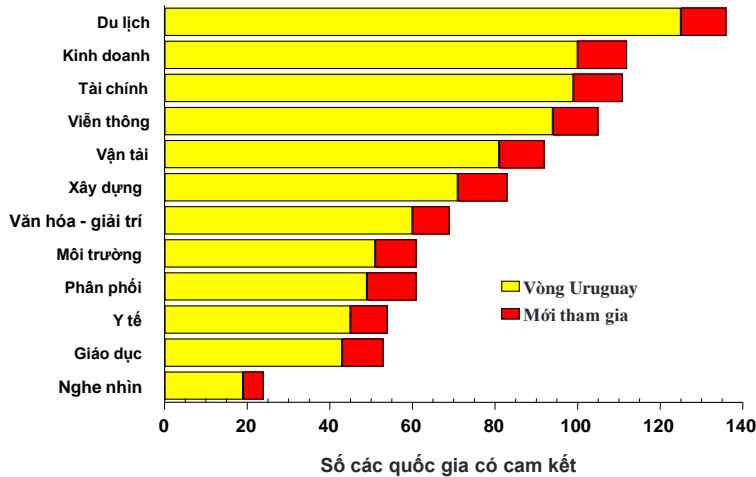
WTO

- GATS
 - Mục tiêu
 - Tạo ra những nguyên tắc trong thương mại
 - Bảo đảm đối xử bình đẳng
 - Thúc đẩy các hoạt động kinh tế thông qua đàm phán và các cam kết
 - Thúc đẩy thương mại thông qua tự do hóa từng bước
 - Phương thức cung ứng dịch vụ?
 - Bán trực tiếp qua biên giới như internet, điện thoại quốc tế, bản vẽ
 - Tiêu thụ nước ngoài như du lịch, đi học
 - Thiết lập sự hiện diện ở nước ngoài như mở chi nhánh cung cấp hàng hóa và dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn pháp luật
 - Tạm nhập cảnh của nhà cung cấp như chuyên gia tư vấn, chăm sóc sức khỏe, nội trợ, xây dựng

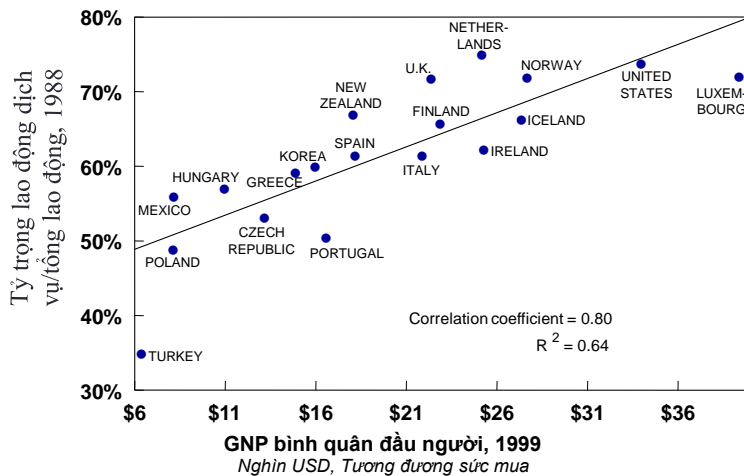
WTO

- Sự khác biệt giữa thương mại hàng hóa và dịch vụ?
- Khung quy tắc chung cho GATS tương tự như GATT
 - Đối xử bình đẳng
 - Đối xử quốc gia, Quy tắc tối huệ quốc
 - Tính minh bạch
 - Công khai các quy định trong lĩnh vực dịch vụ
 - Giải quyết tranh chấp
- Lộ trình của các quốc gia
 - Các cam kết riêng
 - Mức độ mở cửa thị trường đối với từng ngành dịch vụ
 - Cam kết về đối xử quốc gia
 - Các ngoại lệ

Mức độ cam kết trong lĩnh vực dịch vụ tùy thuộc vào tính nhạy cảm trong lĩnh vực đó



Dịch vụ có tầm quan trọng hơn đối với các nước giàu



WTO

• TRIPS

- Bảo hộ quyền sở hữu liên quan đến thương mại: bản quyền, thương hiệu, bằng sáng chế thông qua hiệp định
- Hội đồng về những vấn đề TRIPs để giám sát việc thực thi và tuân thủ của các nước thành viên
- Điều khoản chung và các cam kết căn bản
 - Đối xử quốc gia và nguyên tắc tối huệ quốc?
- Những nội dung căn bản
 - Vấn đề bản quyền phải tuân thủ theo công ước Berne
 - Vấn đề bằng sáng chế phải tuân thủ theo công ước Paris
 - Kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ trong thời gian 10 năm
 - Nhãn hiệu hàng hóa và nhãn hiệu dịch vụ
 - Vấn đề chi dẫn địa lý nhằm ngăn ngừa những chi dẫn khiến khách hàng có sự hiểu nhầm

WTO

• TRIMS

- Quy định cấm các biện pháp đầu tư có thể gây ra tác động bóp méo đối với thương mại
- Những biện pháp nào vi phạm nguyên tắc của WTO?
 - Đối xử quốc gia
 - Hạn chế số lượng xuất, nhập khẩu hàng hóa
- Những biện pháp nào bị cấm?
 - Yêu cầu tỷ lệ nội địa hóa, yêu cầu cân đối ngoại thương, yêu cầu tỷ lệ xuất khẩu tối thiểu, yêu cầu chuyển giao công nghệ, yêu cầu chuyển giao quyền sử dụng bằng sáng chế, hạn chế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, yêu cầu tỷ lệ vốn trong nước

WTO

- Minh bạch hơn về các biện pháp tự vệ
 - Biện pháp tự vệ là biện pháp tạm thời hạn chế nhập khẩu tránh nguy hại hoặc đe dọa đến sản xuất trong nước hay mất cân đối bên ngoài
 - Khi nào thì áp dụng các biện pháp tự vệ?
 - Hàng hóa liên quan tăng đột biến
 - Gây thiệt hại hoặc đe dọa thiệt hại cho ngành sản xuất tương tự
 - Có mối quan hệ nhân quả giữa nhập khẩu và thiệt hại sản xuất
 - Thuế đối kháng
 - Chống bán phá giá
 - Biện pháp khẩn cấp

Vòng đàm phán phát triển Doha

- Nông nghiệp và dịch vụ: Thực thi các quyết định của vòng đàm phán Uruguay
- Quan điểm phát triển: Quan tâm đến lợi ích của những nước nghèo
- Các nhóm công tác cho các vấn đề nan giải như môi trường, chính sách cạnh tranh, quy định về đầu tư và các vấn đề xã hội

Vòng đàm phán phát triển Doha

- Chương trình của vòng Uruguay bị thiên lệch
 - Vấn đề lợi ích của những nước đang phát triển không được đề cập như dịch vụ thâm dụng lao động bán kỹ năng, trợ cấp nông nghiệp, quyền sở hữu trí tuệ
- Cải cách nông nghiệp rất quan trọng cho phát triển
 - Nông nghiệp chiếm 40% GDP của những nước đang phát triển, 35% xuất khẩu và 70% việc làm

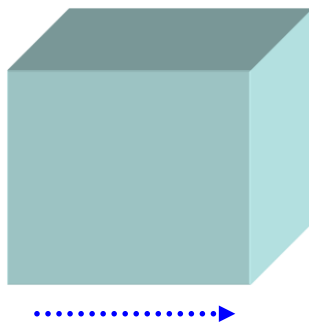
Các vấn đề rắc rối còn lại

- Mức bảo hộ cao bên ngoài OECD
- Vấn đề bảo hộ đối phó
 - Thuế đối kháng và thuế chống bán phá giá được sử dụng chủ yếu ở Hoa Kỳ và EU
- Chủ nghĩa hiếu chiến đơn phương
 - Thương mại bất bình đẳng và trả đũa đơn phương
- Rào cản phi thuế

Thất bại của Doha

- Sau sáu vòng thương lượng với ba hội nghị bộ trưởng, tiến trình đàm phán buộc phải ngừng lại do
 - Mỹ, EU và một nhóm các nước đang phát triển không thống nhất được về việc giảm trợ cấp nông nghiệp (ở Mỹ và EU)
 - hạ thấp thuế nhập khẩu (đối với sản phẩm công nghiệp của các nước phát triển).

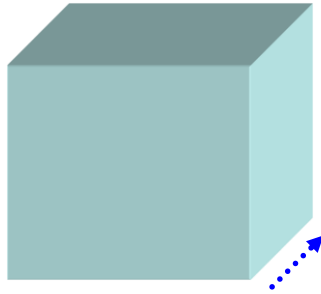
Chiều rộng thay đổi từ từ



Khi các nước công nghiệp hoàn tất quá trình gia nhập GATT, ngày càng nhiều các nước khác xin gia nhập.

Các nước đang phát triển và các nước phi thị trường được chi phối bởi các quy định đặc biệt và không tham gia một cách toàn diện.

Chiều sâu cũng thay đổi một cách chậm chạp



Trước thập niên 80, rất ít nỗ lực được tập trung để giải quyết các vấn đề khác, ngoài các biện pháp tác động đến thương mại tại cửa khẩu.

Nông nghiệp và dệt may được loại trừ khỏi hệ thống.

Sự thay đổi lớn nhất là việc chú ý ngày càng nhiều hơn tới các hàng rào phi thuế quan.

Khi chiều cao là quan trọng nhất: Từ thập niên 40 đến 70

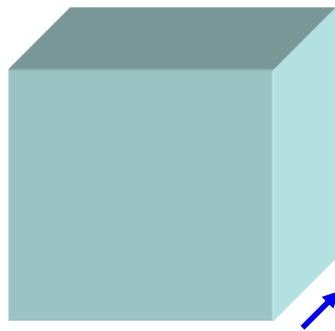


Mục tiêu chính yếu của các nước lớn là giảm thuế quan đánh vào sản phẩm của nhau, đặc biệt là các sản phẩm công nghiệp chế biến, không thâm dụng lao động.

WTO khác với GATT trên cả ba chiều

- WTO là một tổ chức thực thụ với các thành viên.
- Các thủ tục giải quyết tranh chấp của tổ chức được quy định chặt chẽ hơn.
- Rộng hơn: hầu hết các nước đều có tư cách thành viên.
- Sâu hơn: Sự khác biệt chính yếu là việc đề cập tới các vấn đề mới:
 - Dịch vụ
 - Quyền sở hữu trí tuệ
 - Đầu tư (chỉ đề cập một phần)

Các kết quả của việc phát triển theo chiều sâu: thập niên 80, 90 và ngày hôm nay



Mục tiêu chính là mở rộng chiều sâu của các vấn đề. Các vấn đề mới được đề cập trong thập niên 80 là dịch vụ, TRIPs và TRIMs. Các vấn đề mới nhất là chính sách cạnh tranh, môi trường và quyền lao động.

Các vấn đề mới: Mở rộng chiều sâu có thể dẫn tới “dành dặt”

GATT/
WTO

UNESCO
(văn hóa
và giáo
dục)

WHO
(dịch vụ,
bảo hiểm
sáng chế
về y tế)

ILO
(quyền
lao động)

WIPO
(quyền sở
hữu trí
tuệ)

MEAs
(các vấn đề
môi trường)

7/23/2013

Trương Quang Hùng-FETP

WTO và Việt Nam

- Những gì là thách thức?
 - Nhu cầu tăng trưởng cao nên đầu tư lớn
 - Xuất khẩu chủ yếu là sản phẩm thô và thâm dụng lao động ít kỹ năng
 - Khu vực công nghệ chế tạo khả năng cạnh tranh yếu
 - Theo đuổi tự do thương mại có thể dẫn đến những bất ổn kinh tế vĩ mô
 - Thâm hụt cán cân thương mại quốc tế, cán cân ngân sách, biến động tỷ giá

WTO và Việt Nam

- Tại sao phải gia nhập WTO?
 - Đạt được lợi thế kinh tế theo quy mô
 - Buộc các nhà sản xuất trong nước phải cạnh tranh
 - Cho các nhà máy trong nước tiếp xúc với công nghệ mới
 - Tạo nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu

WTO và Việt Nam

- Những gì đã cam kết
 - Thương mại hàng hóa
 - Bãi bỏ hoàn toàn trợ cấp phi nông nghiệp bị cấm trong WTO
 - Không áp dụng trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp sau khi gia nhập WTO
 - Các doanh nghiệp và cá nhân nước ngoài được quyền kinh doanh xuất, nhập khẩu
 - Chính phủ không can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động của DNN
 - Cam kết mức trần thuế cho toàn bộ biểu thuế

WTO và Việt Nam

- Thương mại dịch vụ
 - Một số cam kết cao hơn khung pháp lý hiện hành
 - Mở cửa nhanh thị trường dịch vụ như dịch vụ tài chính, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ kế toán, kiểm toán, thuế, bưu chính viễn thông, phân phối
 - Các nhà đầu tư nước ngoài được phép liên doanh với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trong nước
 - Dịch vụ hạ tầng mạng, phần vốn góp của nước ngoài không quá 49% vốn pháp định
 - Từ đầu năm 2009 doanh nghiệp phân phối có vốn 100% nước ngoài được phép thành lập ở Việt Nam
 - Từ năm 2007, ngân hàng có 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập ở Việt Nam

WTO và Việt Nam

- Tác động đến sản xuất hàng hóa
 - Một số ít ngành công nghiệp khả năng cạnh tranh kém được bảo hộ như các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, xe máy, hàng điện dân dụng, xe máy
 - Không bảo hộ đối với một số ngành nông nghiệp chưa chế biến và một số ngành xuất khẩu nông sản

WTO và Việt Nam

- | | |
|---|--|
| • Tỷ suất bảo hộ hiệu dụng (ERP) (2009) | • Tỷ suất bảo hộ hiệu dụng (ERP)(2009) |
| • Thuốc lá điếu 269 | • Gạo 19 |
| • Ca cao, sô cô la 204 | • Thủy sản khai thác 20 |
| • Rượu 193 | • Thủy sản nuôi trồng 28 |
| • Đồ điện dân dụng 136 | • Cà phê nhân 8 |
| • Mô tô, xe máy 86 | |

WTO và Việt Nam

- Tác động đến dịch vụ
 - Tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ cao, những doanh nghiệp có tốc độ tăng cao nhất là các DN có vốn đầu tư nước ngoài
 - Các ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất là xây dựng, nhà hàng-khách sạn, vận tải-thông tin
 - Có sự chuyển dịch cơ cấu đầu tư từ công nghiệp chế biến sang dịch vụ nhất là kinh doanh bất động sản
 - Hầu hết các ngành dịch vụ dựa vào tri thức như bảo hiểm, ngân hàng, khoa học công nghệ chiếm tỷ trọng nhỏ.

WTO và Việt Nam

- Tác động đến ngoại thương
 - Xuất khẩu
 - Thay đổi cơ cấu xuất khẩu từ sản phẩm thô sang sản phẩm công nghiệp chế tạo như sản phẩm nhựa, dệt may, túi xách, hàng điện tử
 - Có sự dịch chuyển cơ cấu xuất khẩu sang thị trường mới như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản
 - Tăng tính cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu Việt Nam
 - Nhập khẩu
 - Tập trung chủ yếu nguyên, nhiên liệu, máy móc
 - Tỷ trọng nhập khẩu hàng tiêu dùng cũng tăng (7,7% năm 2001 đến 8,8% năm 2009)
 - Nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, Asean, Nhật bản , EU và Hoa kỳ

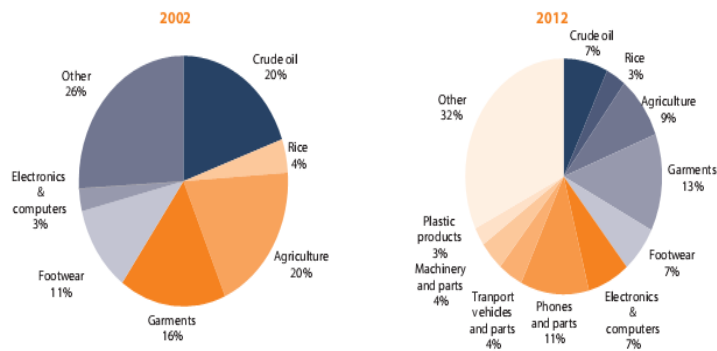
WTO và Việt Nam

- Tác động đến đầu tư trực tiếp nước ngoài
 - 25% đầu tư vào Việt nam khi Việt Nam gia nhập vào WTO
 - Các doanh nghiệp đến từ 47 quốc gia trên thế giới, 75% đến từ Châu Á
 - 75% là doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài
 - 67% hoạt động trong ngành sản xuất có giá trị gia tăng thấp
 - 13,5% đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao
 - Phần lớn có quy mô nhỏ và định hướng xuất khẩu
 - Không chọn doanh nghiệp trong nước làm nhà thầu phụ, sản phẩm trung gian mua ngoài

WTO và Việt Nam

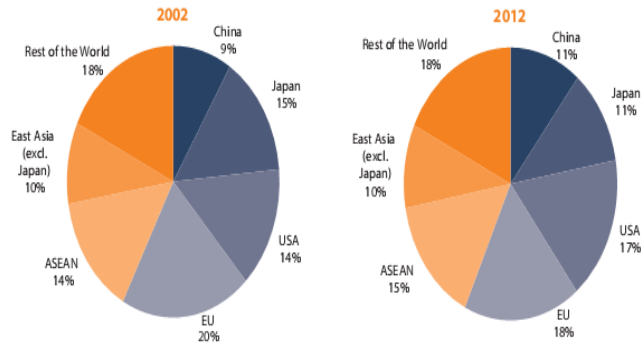
- Tác động kinh tế vĩ mô
 - Từ khi Việt Nam gia nhập WTO
 - Tỷ giá Việt Nam trở nên bất định nhiều hơn
 - Gia tăng mức độ thâm hụt trong cán cân thương mại quốc tế và cán cân thanh toán quốc tế
 - Luồng vốn vào tăng mạnh và đảo chiều liên tục

Thay đổi cơ cấu xuất khẩu



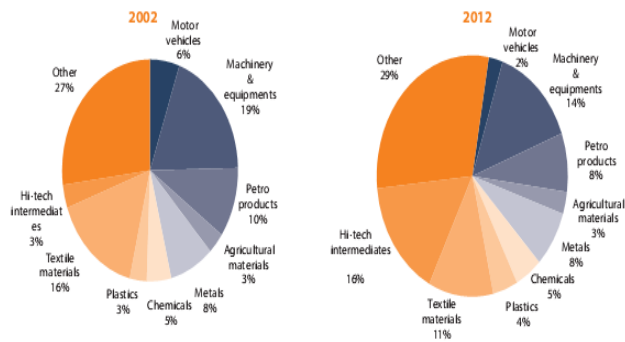
Source: General Department of Customs, General statistics Office, the World Bank

Việt nam xuất khẩu sang nước nào?



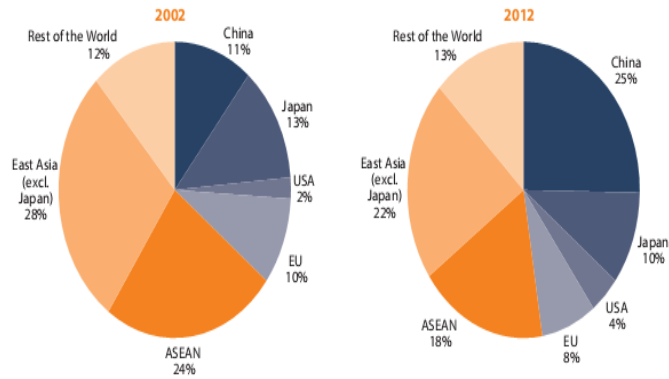
Source: General Department of Customs, General Statistics Office, the World Bank

Sản phẩm nhập khẩu chính của Việt nam



Source: General Department of Customs, General Statistics Office, the World Bank

Việt nam nhập khẩu từ nước nào?

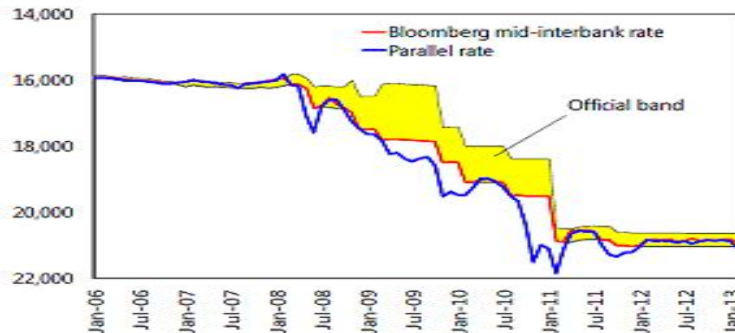


Source: General Department of Customs, General statistics Office, the World Bank

Xu hướng biến động tỷ giá danh nghĩa

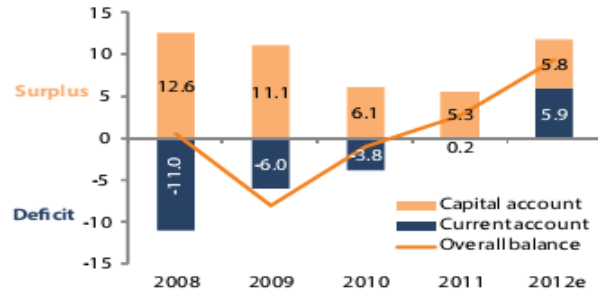
Exchange Rates^{1/}

(Dong per U.S. dollar)



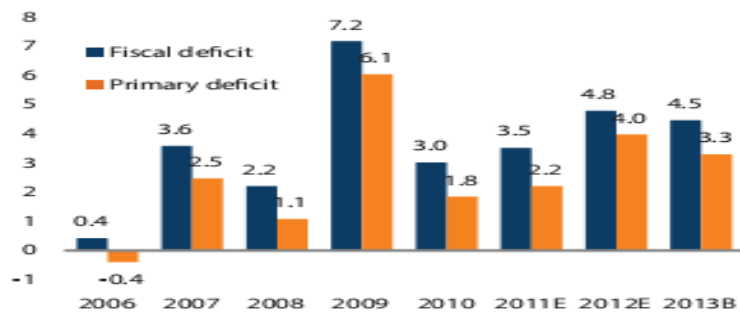
^{1/} An upward movement indicates an appreciation.

Cán cân thanh toán Việt nam



Source: SBV, IMF and World Bank Staff Estimates

Thâm hụt ngân sách



Source: World Bank staff estimates based on MOF published data.

WTO và Việt Nam

- Tác động đến thể chế kinh tế
 - Từng bước hoàn thiện khung pháp lý làm cơ sở cho môi trường kinh doanh bình đẳng
 - Chính sách dần được minh bạch hơn và cơ chế thực thi hiệu quả
 - Bãi bỏ dần các biện pháp bảo hộ
 - Bộ máy tổ chức được củng cố